

ẤN ĐỘ TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN SIÊU CƯỜNG VÀ NHỮNG Suy NGHĨ CHO CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA VIỆT NAM (NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA)

Phan Thị Hồng Xuân*

Nhiều năm qua, Ấn Độ đã ngấp nghé bước vào bảng siêu cường kinh tế quốc tế. Nhưng phải đến năm 2005, lần đầu tiên Ấn Độ đứng ngang hàng với “Bảng 10” với mức GDP đạt 692 tỷ USD năm 2004. Tiến thêm 2 bậc, Ấn Độ chỉ đứng sau Trung Quốc 3 điểm và có rất nhiều cơ hội vươn lên thứ bậc cao hơn nếu kinh tế tiếp tục tăng trưởng 6% mỗi năm.

Sự thay đổi trên được xem là những bước tiến khổng lồ của đất nước 1 tỷ dân tại vùng Nam Á này. Năm 1991, Ấn Độ còn chưa thoát khỏi nền kinh tế tập trung, chao đảo vì lạm phát, khủng hoảng vì dự trữ ngoại tệ chưa đủ để mua hàng trong 2 tuần, kiệt quệ vì thâm hụt mậu dịch lên tới 8,5% GDP. Trước tình thế đó, chính phủ Ấn Độ đã có những sự thay đổi tư duy kinh tế với chính sách mở cửa thu hút đầu tư, điểm son đánh dấu bước chuyển cho sự chuyển mình này được ghi nhận kể từ khi nhà kinh tế Manmohan Singh giữ chức Thủ tướng. Ông đã thực hiện một loạt chính sách để khơi dậy tiềm năng của đất nước đông dân nhất khu vực Nam Á bằng cách mở cửa, tiếp cận thị trường thế giới, thu hút đầu tư, phá giá đồng rupi để kích thích đầu tư, hủy bỏ các luật lệ rắc rối cản trở phát triển kinh tế, bãi trừ nạn cửa quyền, và cuối cùng thực hiện việc tự do hóa thị trường chứng khoán. Kết quả của những chính sách mới này, Ấn Độ trở lại bản đồ kinh tế thế giới sau cuộc “Cách mạng xanh”: dự trữ ngoại tệ lên đến 118 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức 6,5%, lạm phát giảm hơn 50%, thu hút được sự chú ý của giới đầu tư và tài chính quốc tế,...

Đánh giá về mức tăng trưởng GDP của Ấn Độ, Ngân hàng thế giới (World Bank) nhận định, thị trường chứng khoán đã có sức hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài nhờ những cải cách nâng cao tính minh bạch và thông tin doanh nghiệp. Hầu hết các khu vực kinh tế của Ấn Độ đã mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài, mặc dù vẫn còn hạn chế trong những lĩnh vực nhạy cảm như nông nghiệp, đường sắt và bất động sản. Theo dự đoán, trong vòng 5 năm tới, Ấn Độ có tiềm năng thu hút hơn 11 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ dựa vào hai trụ cột chính, đó là mức tăng trưởng cao của ngành công nghiệp và dịch vụ. Sự phát triển của hai khu vực này đã bù cho mức tăng trưởng của khu vực sản xuất nông nghiệp. Ấn Độ có tốc độ tăng trưởng trung bình 6%/năm trong 4 năm qua và dự báo có mức tăng trưởng trung hạn 7 -8% với tốc độ tăng trưởng khu vực sản xuất là 8%, dịch vụ 11%.

Trong cuộc chạy đua với “người khổng lồ” khác trong khu vực là Trung Quốc, Ấn Độ đang nhận được nhiều lời ca ngợi rằng “hành động khôn ngoan” khi sử dụng nguồn lực bên trong, phát huy sức mạnh tự thân của các doanh nghiệp mà không có những ưu đãi nào từ chính phủ. Lợi thế này có thể kiểm định qua thống kê của tạp chí Forbes năm 2004 về 200 công ty lớn nhất thế giới, theo đó có 13 đại diện của Ấn Độ, Trung Quốc chỉ có 4. Những công ty Ấn Độ này thuộc các ngành chất xám mũi nhọn đã có tên tuổi lẫn át các tập đoàn Hoa Kỳ như Infosys, Wipro, các hãng dược phẩm nổi tiếng Ranbaxy, Dr. Reddy’s Labs,... đủ sức mạnh tự thân để cạnh tranh toàn cầu. Chỉ riêng ngành xuất khẩu phần mềm của Ấn Độ đã tăng 30% trong năm tài chính 2004 – 2005, công nghệ thông tin và công nghiệp sản xuất cho thị trường bên ngoài trị giá 12,5 tỷ USD trong năm 2003 – 2004. Trong khu vực dịch vụ, theo đánh giá về chỉ số phát triển bán lẻ toàn cầu 2005 (GRDI), Ấn Độ cũng đã vươn lên dẫn đầu nhờ sự chuyển đổi mạnh mẽ dựa vào các cải cách môi trường đầu tư thoáng hơn đối với các nhà bán lẻ quốc tế. Thị trường bán lẻ của Ấn Độ đạt 330 tỷ USD, tăng trưởng trung bình 10% trong 5 năm qua. Dự báo rằng các nhà bán lẻ toàn cầu như Wal-Mart, Carrefour, Tesco và Casino sẽ nhanh chóng tận dụng chính sách thoáng về đầu tư trực tiếp để tham gia thị trường Ấn Độ.

Chính phủ Ấn Độ vẫn tiếp tục thực hiện các cam kết mở rộng cánh cửa kinh tế đón đầu tư nước ngoài. Động thái mới nhất được dư luận quan tâm là thủ tướng Manmohan Singh đã gạt bỏ mọi bất đồng kéo dài nhiều thập kỷ để lên đường sang Mỹ với mục tiêu tìm kiếm động lực mới cho công cuộc cải cách kinh tế sâu rộng. Với những nỗ

* Th.S, Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa Đông Nam Á học, ĐH Mở TP. HCM

lực không mệt mỏi vì một quốc gia Ấn Độ trong 25 năm tới có thể trở thành nền kinh tế thứ ba thế giới sau Hoa Kỳ và Trung Quốc là một kinh nghiệm quý báu cho các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam trong giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới dưới tác động của toàn cầu hóa.

Việc Ấn Độ chuyển mình cho một vận hội mới dựa vào hai trụ cột chính liên quan đến mức tăng trưởng cao của ngành công nghiệp và dịch vụ liệu có làm lu mờ hình ảnh một nền văn minh Ấn Độ với các giá trị văn hóa đã trở thành một hằng số văn hóa phương Đông hay không sẽ là câu hỏi cũng là góc nhìn hẹp của tác giả về thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển và vai trò của văn hóa trong sự phát triển bền vững.

Nhìn trên tổng thể và toàn cục, thế giới loài người bước vào thế kỷ XXI với một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử nhân loại. Sự chuyển hướng đó diễn ra dưới tác động sâu sắc, toàn diện của sự chuyển hướng chiến lược từ đối đầu sang đối thoại cùng tồn tại hòa bình; sự chuyển hướng chiến lược từ Châu Âu – Đại Tây Dương sang Châu Á – Thái Bình Dương; nền văn minh nhân loại chuyển đổi từ văn minh công nghiệp sang văn minh tin học hóa. Và những sự chuyển biến này diễn ra trên phạm vi toàn thế giới hay nói cách khác đây là quá trình toàn cầu hóa.

Xu thế toàn cầu hóa là xu thế khách quan diễn ra trên tất cả các lĩnh vực, theo các cung bậc khác nhau, trên những ngã đường khác nhau, vì vậy mỗi quốc gia muốn đi vào trào lưu của thế giới, tức là hội nhập vào con đường hành lang phát triển Đông – Tây thì phải nhận thức được mình để từ đó xác định “vị thế” của mình trong quan hệ quốc tế. Đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp theo hướng hiện đại để thích nghi với thời cuộc là điều bắt buộc với tất cả mọi người, nếu chúng ta không muốn bị “tụt hậu” và bị đẩy ra ngoài lề của sự phát triển. Và càng quan trọng hơn là làm sao để phát triển song hành với phát triển bền vững; ở đây đã xuất hiện yếu tố rất cũ (xưa như trái đất vì xuất hiện cùng với sự xuất hiện của loài người) nhưng chưa bao giờ lạc hậu, đó là văn hóa.

Với Ấn Độ là một bề dày lịch sử của nền văn minh Lương Hà không những thâm nhập vào đời sống văn hóa, tinh thần cư dân bản địa mà còn trải rộng vượt đại dương đến các vùng văn hóa khác mà gần gũi và dễ đến nhất là Đông Nam Á. Với một bản lĩnh đã được “kháng thế” của một nền văn hóa bản địa đã là máu và thịt của người dân Ấn Độ sẽ là lực đẩy cho các chính sách kinh tế mới đâm chồi nảy lộc ngay tại đây. Có thể minh chứng cho nhận định này qua thực tế công nghệ giải trí và phim ảnh Ấn Độ phát triển mạnh và rực rỡ ngay chính quê hương mình và so với thế giới chỉ xếp hạng 2 sau Hollywood của Mỹ,... Do vậy, đối với Ấn Độ, công nghệ có thể được xem như một phương tiện để vượt qua những rào cản xã hội của một xã hội còn bị ràng buộc bởi nhiều truyền thống xa xưa. Đó là một sự điều chỉnh, tương tác có lợi của quá trình toàn cầu hóa.

Còn với trường hợp Việt Nam, so với khu vực, chúng ta có một nền văn hóa rực rỡ lâu đời được thế giới công nhận tuy đã phải trải qua biết bao thăng trầm, có lúc tưởng chừng là số phận, nhưng bản lĩnh của cha ông đã giữ cho ta một nền văn hóa phong phú đa dạng và rất riêng của người Việt Nam nhưng cũng thật gần gũi với các quốc gia khác trong khu vực do quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Tuy nhiên số phận lịch sử Việt Nam đã không cho phép chúng ta có thời gian dài củng cố và phát huy những tinh hoa trong truyền thống văn hóa. Khi hòa bình được lập lại hoàn toàn từ năm 1975 cũng là lúc phải đối diện với khó khăn của một quốc gia mới giành được độc lập toàn vẹn lãnh thổ. Chính sách nhất quán xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam trên mặt trận văn hóa – tư tưởng là coi trọng việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tuy nhiên ở mỗi thời điểm nhất định, các chính sách ấy sẽ được thể chế bằng những văn bản hướng dẫn nhất định. Trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh các Nghị quyết về kinh tế, Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) có nghị quyết chuyên đề văn hóa, đảm bảo tính cân bằng giữa hai lĩnh vực mang tính bao trùm đời sống xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 trước hết đáp ứng yêu cầu của giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời rất phù hợp với yêu cầu nóng bỏng trên thế giới sau khi UNESCO phát động Thập kỷ văn hóa vì sự phát triển (1988 – 1997).

Năm 2005 ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng của Việt Nam trên đường hội nhập khu vực và thế giới, trong đó có sự kiện nhìn lại chặng đường 10 năm Việt Nam trong ASEAN, các hiệp ước song phương, đa phương tích cực qua các chuyến ngoại giao của nguyên thủ quốc gia Việt Nam đến các nước và các nước đến Việt Nam,... Trong khuôn khổ của chủ đề bài viết liên quan đến khía cạnh văn hóa, một sự kiện cũng không kém phần sự và quan trọng, đó là Việt Nam vừa ký kết hợp tác với UNESCO về văn hóa, giáo dục và khoa học nhân chuyển thăm chính thức của Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc – ngài Koichiro Matsuura (từ ngày 26 đến 28/7/2005) là một minh chứng cho tầm quan trọng của các giá trị văn hóa trong phát triển bền vững. Theo thỏa thuận hợp tác này, hai bên nhất trí tiếp tục tăng cường hợp tác trên tất cả các lĩnh vực văn hóa – thông tin, giáo dục, khoa học. Cụ thể: UNESCO hỗ trợ Việt Nam bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, cả vật thể

và phi vật thể, cả di sản thế giới và di sản đặc biệt quan trọng của Việt Nam, trong đó có quần thể di tích Hoàng Thành; hỗ trợ Việt Nam phát triển du lịch bền vững kết hợp với bảo tồn di sản văn hóa; hỗ trợ các hoạt động tiến tới kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội. Mặt khác, triển khai kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người tới cấp tỉnh, thành; các hoạt động hưởng ứng thập kỷ quốc tế về giáo dục vì sự phát triển bền vững (2005 – 2014); nâng cao chất lượng giáo dục và công bằng trong giáo dục, xây dựng một “xã hội học tập” ở Việt Nam. Hai bên cũng sẽ triển khai chương trình hành động quốc gia về khoa học kỹ thuật trong những năm đầu của thế kỷ XXI và chính sách khoa học và công nghệ vì sự phát triển bền vững, phục vụ công cuộc hội nhập kinh tế và xóa đói giảm nghèo; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các lĩnh vực của UNESCO, xây dựng các trung tâm thông tin đa chức năng tại các vùng khó khăn.

Qua nội dung của Bản ghi nhớ về hợp tác Việt Nam – UNESCO giai đoạn 2005 – 2010, rõ ràng rằng các giá trị văn hóa, giáo dục có mối quan hệ hữu cơ gắn kết chặt chẽ với khoa học công nghệ trong hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của mục tiêu xây dựng một nền kinh tế tri thức theo xu hướng quốc tế, chú trọng đến văn hóa, giáo dục, con người, môi trường sống,....

Chấp nhận việc hội nhập và cạnh tranh với thế giới như một con đường phát triển, Việt Nam đã phải bắt đầu từ một xuất phát điểm bất lợi về nhiều mặt trong đó có sự lạc hậu về trình độ và sự bất cập trong tổ chức của các hệ thống khoa học, giáo dục và thông tin, điều này khiến việc tiếp nhận kỹ thuật, công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến còn nhiều trở ngại, và kết quả là chúng ta phải tiếp nhận luôn cả nhiều giá trị văn hóa tinh thần, biểu hiện của lối sống hiện đại để thích ứng với hiện trạng và theo kịp với xu thế của nền sản xuất mới. Cơ cấu sản xuất xã hội với hệ thống giá trị mới này giúp Việt Nam hội nhập nhanh hơn, mạnh hơn vào thế giới hiện đại, đồng thời tạo ra những nét mới trong bản sắc văn hóa dân tộc nhưng mặt khác có sự hình thành một cách đột biến với nhiều yếu tố ngoại sinh của nó có thể cũng tạo ra những nét đứt gãy trong tiến trình văn hóa, đưa tới nguy cơ xa lìa truyền thống và quên lãng cội nguồn.

Khẳng định hệ giá trị văn hóa dân tộc đang là vấn đề vừa lâu dài vừa mang tính thời sự khi ta đặt nó trong bối cảnh thời đại và đất nước hiện nay. Đó cũng là những mặt cần quan tâm trước tiên trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc trước xu thế toàn cầu hóa.

Bảo vệ văn hóa dân tộc từ những giá trị phổ biến của nó trong giai đoạn toàn cầu hóa, cũng có nghĩa là bảo vệ độc lập, tự chủ của dân tộc và nâng cao chất lượng sống cho con người. Việt Nam đã và đang tận dụng các yếu tố tích cực của toàn cầu hóa để tạo thêm thuận lợi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, như mở rộng quan hệ đa phương và song phương với các nước về thương mại, du lịch, vốn đầu tư, tiếp thu công nghệ, mở rộng xuất khẩu hàng hóa, lao động và du học,... Toàn cầu hóa với xa lộ thông tin đang thay đổi nhiều mặt trong đời sống nhân dân. Báo chí điện tử đã giới thiệu đất nước và con người Việt Nam ra thế giới. Truy cập mạng internet đã trở thành một nhu cầu thiết yếu của các cơ quan, các tổ chức xã hội và nghề nghiệp, của trí thức và sinh viên các trường đại học... Công nghệ thông tin đang trên đà phát triển mạnh ở nước ta. Độc lập, tự chủ về kinh tế cũng đồng thời là độc lập tự chủ về văn hóa trong quá trình chủ động hội nhập và giao lưu trên nhiều lĩnh vực với thế giới. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, dù kinh tế hay văn hóa, trong khi hội nhập, nếu chỉ bình đẳng một cách hình thức thì sớm muộn gì cũng bị phá vỡ, do sự chênh lệch về thực chất. Do đó kinh tế không ngừng tăng trưởng đi đôi với văn hóa phát triển phong phú, lành mạnh và đúng hướng là một nguyên lý trong bản chất văn hóa xã hội mà Việt Nam đang theo đuổi và quyết tâm thực hiện.

Song mặt khác chúng ta đều thấy rằng, kinh tế và văn hóa luôn tác động lẫn nhau, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay các hoạt động văn hóa không thể không chịu sự tác động bởi những yếu tố khác. Vấn đề cần quan tâm là phát triển con người trong chiến lược kinh tế quốc gia vì nguồn vốn quan trọng và cốt lõi của kinh tế quốc gia bao giờ cũng vẫn là con người.

Về mặt tích cực, một trong những khả năng phổ quát của người Việt là hiếu học và nhanh nhạy. Trong lĩnh vực kinh tế, khả năng này giúp họ linh động và thích ứng nhanh với hoàn cảnh. Đây là một khả năng ưu điểm trong một thời đại mà bản chất kinh tế thay đổi với một tốc độ nhanh và đòi hỏi một mức độ đáp ứng và linh động cao. Nếu phải di cư đến một hoàn cảnh kinh tế hoàn toàn mới lạ thì người Việt là một điển hình cho một cộng đồng di dân có khả năng hội nhập đáng kể. Điều này đã được xác nhận trên thế giới trong vòng mấy thập niên qua. Tính bảo thủ và định kiến chỉ phát sinh khi họ cảm thấy quyền lợi hay quyền hạn của mình bị đe dọa hay bị xâm phạm. Nói chung, con người kinh tế Việt Nam không sợ đổi thay về hoàn cảnh và quy luật kinh tế. Trong khả năng đáp ứng

này, họ học hỏi kỹ năng kinh doanh mới nhanh chóng, không những về lĩnh vực thuần chuyên môn, hay quy chế, chiến thuật mà còn có khả năng sáng tạo những ngõ ngách tiếp thị, khai phá những tiềm năng thị trường mới, ... Tuy nhiên khả năng linh động và thông minh này mặc dù quan trọng nhưng chúng cần phải đặt trên nền tảng của đức tính tích cực cần thiết, đó là đạo đức kinh tế. Lực lượng tiên phong trong tiến độ xây dựng đất nước cho thế kỷ mới là tầng lớp nhân sự kinh tế trong một nền kinh tế thị trường pháp trị. Một nền tảng mới phải được trang bị cho một thể hệ doanh nhân mới nhằm kiến tạo một văn hóa kinh tế cần thiết cho Việt Nam trước nhu cầu thời đại. Văn hóa này là của một nền kinh tế mà giá trị chữ tín được tôn trọng, mà pháp luật được đặt ưu tiên, mà nhân phẩm con người được thể hiện qua cơ chế kinh tế, xã hội cũng như những sinh hoạt doanh nghiệp hàng ngày.

Bên cạnh đó, cũng cần đối diện với thực tế, sự phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay còn dẫn tới việc thay đổi mức sống và lối sống ở các thành phần xã hội và khu vực khác nhau. Việc điều hòa mâu thuẫn giữa những khác biệt nói trên dĩ nhiên cần tới hệ thống chính sách xã hội, nhưng trong phạm vi việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thì cần phải nhấn mạnh vai trò của hoạt động nghiên cứu giáo dục.

Qua những vấn đề đã phân tích, rõ ràng rằng, giữ gìn văn hóa trong bối cảnh đất nước hôm nay là một nhiệm vụ đầy khó khăn, phức tạp với hàng loạt những thử thách lớn lao:

- Tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa với tốc độ cao là một thách thức lớn cho việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nền kinh tế thị trường chưa hoàn chỉnh dẫn đến các giá trị, các chuẩn mực xã hội nằm trong bảng hệ thống giá trị tồn tại từ ngàn xưa của dân tộc bị lối sống thực dụng lấn lướt dần để rồi tiềm ẩn vào đời sống xã hội làm tha hóa con người.

- Mặc cảm tự ti dân tộc.

- Mặt bằng dân trí thấp

- Sự đề cao quá mức về mục tiêu kinh tế, coi nhẹ hoặc thiếu quan tâm đến phát triển văn hóa.

- Sự kết hợp chưa đồng bộ, chặt chẽ và hiệu quả giữa gia đình – nhà trường và xã hội trong việc giáo dục rèn luyện tài lực, trí lực cho thế hệ trẻ.

- Một số cơ quan văn hóa đã vô tình hoặc vì mục đích nào đó cố vũ cho lối sống chạy theo những lợi ích vị kỷ, những ham muốn quá mức của xã hội tiêu thụ vốn rất xa lạ với nếp nghĩ truyền thống, lối sống cần kiệm, tương trợ lẫn nhau, ... của dân tộc ta.

Với những đặc điểm và quy luật của nó, kinh tế hàng hóa với cơ chế thị trường đang không ngừng có những tác động phức tạp đến sự phát triển văn hóa nói chung và việc bảo tồn các giá trị truyền thống trong văn hóa dân tộc ở Việt Nam hiện nay nói riêng. Đây là một hiện thực không thể tránh né nên văn hóa Việt Nam cũng không còn cách lựa chọn khác ngoài việc tập cách sống chung với nền kinh tế thị trường.

Những gì đất nước Ấn Độ đã trải nghiệm và đang thực nghiệm sẽ là kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Ấn Độ thuận lợi hơn khi đã khẳng định được các giá trị văn hóa của mình như một thành tố quan trọng của một nền văn minh trên thế giới. Điều đó không có nghĩa là đất nước này tự xem nền văn hóa của mình là tiến bộ hơn các giá trị văn hóa của nhân loại, do vậy ở một chừng mực nào đó Ấn Độ đã xem phát triển công nghệ là một phương tiện để nhận chân và điều chỉnh những yếu tố văn hóa, truyền thống không còn phù hợp với thực tế xã hội.

Hay nói cách khác, văn hóa tự nó đã là sự lựa chọn, một thái độ của con người đối với thế giới, do vậy nếu tiến hành việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo định chế của cơ chế xã hội hóa, quy chế hóa, ... một cách chủ động và tích cực, đồng bộ và nhất quán chắc chắn con người Việt Nam sẽ có thêm những điều kiện mới để vừa có thể xây dựng một nền kinh tế thị trường phát triển vừa có thể tiếp tục nâng cao đầu nhìn ra thế

gười với một nền văn hóa truyền thống 4000 năm mà chỉ riêng với Hoàng Thành, Tổng Giám đốc UNESCO cũng phải thốt lên rằng “đây là giá trị văn hóa nổi bật của nhân loại”.

Tóm lại, văn hóa và phát triển hay văn hóa vì phát triển là một vấn đề rất rộng lớn. Rõ ràng rằng văn hóa không đứng ngoài phát triển. Nó nằm bên trong, vừa là nhân tố nội sinh, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và hệ điều tiết của phát triển. Trong bài viết ngắn này khó có thể nêu ra được một cách đầy đủ và chi tiết mọi vấn đề liên quan đến văn hóa dân tộc trong thế phát triển hiện đại. Thiết nghĩ tất cả mọi vấn đề chúng ta đang nghiên cứu, tìm hiểu cũng không nằm ngoài mục tiêu mà Đảng đã đề ra, đó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, từng bước tiếp cận với Chân - Thiện - Mỹ trong cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Mộng Lân – Nguyễn Như Thịnh, Thế kỷ XXI Thách thức và triển vọng, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2000
2. Lê Anh Tuấn (Biên soạn), Thế kỷ 21 một số vấn đề đáng quan tâm, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2000
3. TS. Nguyễn Văn Vĩnh (Chủ biên), Góp phần đẩy lùi nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005
4. GS. TS Phạm Đức Dương, Từ văn hóa đến văn hóa học, Viện Văn hóa và NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2002
5. Hoàng Đình Phú, Khoa học và công nghệ với các giá trị văn hóa, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1998
6. Phạm Đỗ Chí (Chủ biên), Kinh tế Việt Nam trên đường hóa rồng, NXB Trẻ, TP.HCM, 2003
7. Mahathir Mohamad, Toàn cầu hóa và những hiện thực mới, NXB Trẻ TP.HCM, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm Kinh tế Châu Á – TBD, TP.HCM, 2004
8. TS. Đỗ Thị Minh Thúy, Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc – Thành tựu và kinh nghiệm (Quán triệt tinh thần Nghị quyết TW 5 khóa VIII), Viện Văn hóa và NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004
9. Khoa Đông Nam Á học, Trường ĐH Mở BC TP.HCM, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: “Cộng đồng ASEAN- Từ ý tưởng đến hiện thực”, NXB Thống kê, TP.HCM, 2005
10. Viện Nghiên cứu phát triển phương Đông và Hanns Seidel Foundation, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: “Kinh tế tri thức và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam”, NXB Giáo Dục, TP.HCM, 2002
11. Phan Thị Hồng Xuân, “Một vài cảm nhận về văn hóa dân tộc trong thế phát triển hiện đại dưới ảnh hưởng của toàn cầu hóa”, Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam Học lần 2, tháng 7/ 2004. Phiên 7: Các khía cạnh văn hóa: nhận dạng, hội nhập và phát triển.
12. Báo Sài Gòn Giải phóng, Thứ Năm ngày 28/07/2005

Websites: www.hoidantochoc.org.vn ; <http://timesofindia.indiatimes.com/>;